

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20 – 8 – 2025
V/v: Ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hòe

Ông Mai Văn Ngọc

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Như Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sáng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý 51/2025/TLST-HNGĐ ngày 17/3/2025 về việc “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 300/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2025/QĐST – HNGĐ ngày 25/7/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vàng A, sinh năm 1987; căn cước công dân số: 044087002320 cấp ngày 11/11/2022 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi cư trú: Số nhà A đường T, phường Đ, tỉnh Quảng Trị (phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cũ). Có mặt.

Bị đơn: Chị Đoàn Thị Thu N, sinh năm 1992; căn cước công dân số: 044192000934 cấp ngày 07/12/2022 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi ĐKNKTT trước khi xuất cảnh: Số nhà A T, phường Đ, tỉnh Quảng Trị (phường B, TP ., tỉnh Quảng Bình cũ). Hiện cư trú tại Đài Loan không rõ địa chỉ, vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Vàng A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đoàn Thị Thu N yêu nhau tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 19/10/2014 tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Quảng Bình

(nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Quảng Trị). Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian. Tháng 9/2024 anh phát hiện ra chị N có mối quan hệ ngoài luồng với người khác; mặc dù hai vợ chồng cũng ngồi lại nói chuyện nhưng không khắc phục được. Vào tháng 10/2024 anh có nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Trị) sau đó anh rút đơn; thời gian này chị N có ở nhà được mấy ngày, sau đó chị bỏ nhà ra đi, hai vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Vào tháng 02/2025 anh tiếp tục nộp đơn ở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Trị) thì phát hiện chị N đã xuất cảnh ra nước ngoài nên chuyển vụ án theo thẩm quyền. Hiện nay chị Đoàn Thị Thu N đã đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan không rõ địa chỉ. Do hai vợ chồng sống cách xa nhau, chị N không quan tâm đến cuộc sống gia đình, chỉ không liên lạc gì về với anh cũng như hỏi han con cái; tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Mặc dù hai bên gia đình đã cố gắng hàn gắn nhưng không được. Hiện anh Vàng A nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đoàn Thị Thu N.

- Về quan hệ nuôi con chung: Anh Vàng A trình bày vợ chồng anh chị có 02 con chung Vàng Ý Nhi sinh ngày 26/3/2015 và Vàng Ý Nhân sinh ngày 26/9/2019. Hiện các con đang ở cùng anh Vàng A và ông bà nội, để không ảnh hưởng đến việc học, môi trường sinh hoạt của các con nên sau khi ly hôn anh Vàng A có nguyện vọng được nuôi cả hai con và không yêu cầu chị Đoàn Thị Thu N cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh Vàng A trình bày quá trình chung sống giữa anh và chị Đoàn Thị Thu N có tài sản chung, nhưng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Trình bày thêm, nếu anh và chị N không thỏa thuận được về tài sản thì anh sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác. Về nợ chung của hai vợ chồng anh trình bày không có.

Bị đơn chị Đoàn Thị Thu N: Theo công văn số: 483/CV-QLXNC ngày 25/2/2025 của Phòng Q Công an tỉnh Q (nay là Công an tỉnh Q) cung cấp chị Đoàn Thị Thu N hiện đã xuất cảnh ra nước ngoài lần gần nhất ngày 05/01/2025 đến nay chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Sau khi thụ lý vụ án, theo địa chỉ do anh Vàng A cung cấp Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị) đã tiến hành làm thủ tục lấy lời khai của người thân (mẹ ruột của chị Đoàn Thị Thu N) là bà Cao Thị Hoài T, đăng tin thông báo về việc giải quyết ly hôn giữa anh Vàng A và chị Đoàn Thị Thu N trên kênh dành cho người nước ngoài của Đ VOV5.

* Tại Biên bản xác minh ngày 20/5/2025 bà Cao Thị Hoài T (mẹ ruột chị Đoàn Thị Thu N) trình bày: anh Vàng A và chị Đoàn Thị Thu N kết hôn năm 2014, vợ chồng sống tại Đ, T đến năm 2019 thì chuyển vào Đ sinh sống. Giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn bà không biết vì sống xa con gái. Tháng 01/2025 chị N đi xuất khẩu

lao động tại Đài Loan, về địa chỉ cụ thể thì bà không rõ. Việc anh Vàng A làm đơn ly hôn tại Tòa án chị N có biết và gia đình cũng đã thông báo cho chị N. Vợ chồng có hai con chung là Vàng Ý Nhi sinh ngày 26/3/2015 và Vàng Ý Nhân sinh ngày 26/9/2019 hiện đang sống chung với bố là anh Vàng A tại phường Đ. Về tài sản chung, nợ chung bà sẽ liên lạc với chị N và sẽ trao đổi cung cấp cho Tòa án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Phía bị đơn mặc dù đã được tổng đạt, thông báo hợp lệ nhưng vẫn không có mặt và không có ý kiến phản hồi cho Tòa án. Tại phiên tòa bị đơn chị Đoàn Thị Thu N mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn không có mặt, vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228; Điều 238; khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Vàng A được ly hôn chị Đoàn Thị Thu N; về nuôi con chung: Giao con chung là cháu V Ý Nhi sinh ngày 26/3/2015 và Vàng Ý Nhân sinh ngày 26/9/2019 cho anh Vàng A tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và không buộc chị N cấp dưỡng nuôi con cùng anh Vàng A; về chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng do đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Buộc đương sự chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo Công văn số: 483/CV-QLXNC ngày 25/2/2025 của Phòng Q Công an tỉnh Q (nay là Công an tỉnh Q) cung cấp chị Đoàn Thị Thu N hiện đã xuất cảnh ra nước ngoài lần gần nhất ngày 05/01/2025, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước; anh Vàng A không cung cấp được địa chỉ cư trú bên nước ngoài của chị N. Như vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

[1.2] Do không xác định được địa chỉ cụ thể của bị đơn Đoàn Thị Thu N ở nước ngoài. Tòa án đã thực hiện niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của chị N trước khi xuất cảnh; tiến hành tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho người thân của chị Đoàn Thị Thu N; tiến hành đăng thông tin thông báo cho chị Đoàn Thị Thu N trên Hệ thống phát thanh đối ngoại VOV5 đài tiếng nói Việt Nam vào các

ngày 16,27,28/05/2025 nhằm thông báo cho bị đơn biết việc nguyên đơn có yêu cầu ly hôn nhưng không có kết quả phản hồi của chị N.

[1.3] Toà án đã tiến hành các thủ tục cần thiết, ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập hợp lệ đến tham gia tại phiên toà đối với các đương sự nhưng chị Đoàn Thị Thu N đều vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228; điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Đoàn Thị Thu N.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vàng A và chị Đoàn Thị Thu N đăng ký kết hôn ngày 19/10/2014, tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Quảng Bình (nay là xã Đ, tỉnh Quảng Trị), số 30/2014, quyền số: 02/2008 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Vợ chồng anh chị nhẽ ra phải yêu thương nhau để cùng xây dựng hạnh phúc gia đình, dạy dỗ con cái nên người. Nhưng anh chị đã không làm được việc đó, mà vợ chồng anh chị chỉ chung sống được một thời gian ngắn vì do hai bên nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Sau nhiều mâu thuẫn, anh chị không tìm được tiếng nói chung, anh Vàng A trình bày do chị N có mối quan hệ ngoài luồng với người khác, anh chị cũng đã ngồi lại nói chuyện nhưng không khắc phục được. Tháng 01/2025 chị N làm thủ tục đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan không bàn bạc gì với anh, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; tình cảm hai vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa. Anh Vàng A đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xử cho anh Vàng A được ly hôn chị Đoàn Thị Thu N.

[2.2]. Về quan hệ con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung là 02 con chung Vàng Ý Nhi sinh ngày 26/3/2015 và Vàng Ý Nhân sinh ngày 26/9/2019 hiện đang ở với anh Vàng A. Sau khi ly hôn anh Vàng A có nguyện vọng được nuôi 02 con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa anh Vàng A đều giữ nguyên ý kiến xin được nuôi các con chung, vì hiện nay hai cháu đang sinh sống với anh và ông bà nội; anh Vàng A cam kết anh có đủ điều kiện về kinh tế để đảm bảo cuộc sống cho các con với mức thu nhập dao động từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng/ tháng. Tại đơn trình bày gửi cho Tòa án cháu V Ý Nhi có nguyện vọng xin được ở với bố. Thấy rằng, tại thời điểm hiện nay chị N hiện nay đã xuất khẩu lao động tại nước ngoài, không có thông tin liên lạc gì với anh Vàng A cũng như các con, thể hiện sự thờ ơ, không quan tâm đến con cái. Vì vậy, để đảm bảo cho các cháu Ý N2, Ý Nhân không bị xáo trộn trong cuộc sống hàng ngày, học tập, cũng như sự phát triển tâm sinh lý của các cháu; phù hợp nguyện vọng của cháu Ý N2 xin được ở với bố sau khi bố mẹ ly hôn. Nên cần chấp nhận yêu cầu của anh Vàng A, giao cháu V Ý Nhi sinh, ngày 26/3/2015 và cháu Vàng Ý N1, sinh ngày 26/9/2019 cho anh

Vàng A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Vàng A không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Do anh Vàng A không yêu cầu chị N đóng góp cấp dưỡng nuôi con, nên chấp nhận sự tự nguyện này của anh Vàng A.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ qua lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[3]. *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Anh Vàng A không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về án phí, chi phí tố tụng*: Anh Vàng A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định của khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153 và Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đoàn Thị Thu N không phải chịu nộp.

[5]. *Về quyền kháng cáo*: anh Vàng A và chị Đoàn Thị Thu N có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 464; Điều 469; Điều 474; Điều 475; điểm b, c khoản 5 Điều 477; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Vàng A được ly hôn với chị Đoàn Thị Thu N

2. Về quan hệ nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao các con là Nguyễn Vàng Ý N2 sinh ngày 26/3/2015 và Vàng Ý Nhân sinh ngày 26/9/2019 cho anh Vàng A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; cũng phù hợp với nguyện vọng của chấy Ý N xin được ở với bố sau khi bố mẹ ly hôn. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Vàng A về việc không yêu cầu chị Đoàn Thị Thu N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các đương sự đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí, chi phí tố tụng khác: Anh Vàng A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0001577 ngày

24/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 - Quảng Trị). Anh Vàng A phải chịu chi phí tố tụng khác 2.250.000 đồng (Hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng). Anh Vàng A đã nộp đủ tiền án phí và chi phí tố tụng.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đoàn Thị Thu N không phải chịu nộp.

4. Quyền kháng cáo: Anh Vàng A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định. Chị Đoàn Thị Thu N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Đồng Lê tỉnh Quảng Trị;
- Phòng THADS khu vực 1 - Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Các Hội thẩm nhân dân)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Minh

